

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: 61/2021/HS-ST

Ngày 28/5/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lý Thị Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS, ngày 31/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS, ngày 23/4/2021; đối với các bị cáo:

**1. Bùi Thị S**, sinh ngày 10/7/1970;

- Nơi thường trú: Thôn 1, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Hồng H, sinh năm 1946 và bà Dương Thị H, đã chết; Anh chị em ruột: có 05 anh chị em, bị cáo là thứ 3; Chồng: Hoàng Văn N, đã chết; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

**2. Nguyễn Thị C**, sinh ngày 20/12/1964;

- Nơi thường trú: Thôn Chè Đen 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Mai U, sinh năm 1928 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; Anh chị em ruột: có 06 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Chồng: Nguyễn Thế P, sinh năm 1969 (đã ly hôn); Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2001;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2016 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi bán dâm bằng hình thức phạt tiền (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn An Lạc, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái, vắng mặt;

2. Anh Phan Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt;

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm Phố Lang Quán, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 3 Tiên, thị trấn Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt;

5. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt;

6. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/12/2020, Bùi Thị S, cư trú tại thôn 1, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nhận được điện thoại của Nguyễn Thế Q cư trú tại Khu 3 Tiên, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (quen biết nhau từ trước), qua nói chuyện Q bảo S bố trí 02 gái bán dâm đến Khách sạn “Á Châu” để bán dâm cho Q, thỏa thuận thời gian mua dâm từ 14 giờ đến tối và hỏi S giá mua dâm như thế nào, S nói nếu bố trí gái bán dâm theo yêu cầu thì Q phải trả cho S 1.500.000đ với mỗi gái bán dâm, Q đồng ý hẹn gặp ở khách sạn “Á Châu” thuộc tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Sau đó, S gọi điện cho Nguyễn Thị L, ở thôn An Lạc, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái bảo sang chỗ S bán dâm, S trả 1.000.000đ và hẹn gặp tại quán cà phê Hoàng Linh ở thôn 12, xã K, thành phố T do Nguyễn Thị C, cư trú tại thôn Chè Đen 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là chủ quán, L đồng ý, hẹn 30 phút sau sẽ đến và S gọi điện cho C nhờ gọi gái bán dâm nhưng C không nghe điện thoại. S đi xe máy đến quán cà phê của C, S bảo C gọi cho một gái bán dâm để S môi giới bán dâm cho khách đến tối, giá bán dâm là 1.000.000đ, còn C tự thỏa thuận chia tiền với gái bán dâm, C đồng ý và gọi điện thoại cho Trần Thị T, ở thôn phố Lang Quán, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, bảo T đến quán của mình để đi bán dâm cho khách, T đồng ý. Khoảng 05 phút sau L đi xe máy đến đứng ở trước cửa quán, khoảng 10 phút sau T đi xe máy đến quán. S đưa L và T đến khách sạn “Á Châu”, do không thấy Q nên S gọi điện, thì Q nói khoảng 10 phút nữa quay lại. S, cùng L và T đi vào khu vực để

xe của khách sạn, S nói với L và T là khách muốn mua dâm đến tối, mua dâm xong, S sẽ trả L và T mỗi người 1.000.000đ tiền bán dâm, L và T đồng ý.

Cùng lúc này Q và Phan Văn T bạn Q ở thôn 1, Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến, S đến hỏi “Sao em để bọn chị chờ lâu thế”, Q nói là “Em vào lấy phòng ngay đây”. Q và T vào gặp lễ tân của khách sạn thuê phòng 303 và phòng 304 để tắm khoáng. Sau đó Q, T đi thang bộ lên phòng, thấy vậy S gọi L và T đi theo để bán dâm cho khách, còn S đi lên để thu tiền mua dâm. Do gái bán dâm không như ý, Q bảo với S không mua dâm đến tối nữa mà chỉ mua dâm nhanh (quan hệ tình dục một lần) rồi về, S bảo Q là nếu như thế thì phải trả cho S 600.000đ/ 01 lần/ 01 gái bán dâm. Q trả tiền của mình cho S (600.000đ gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000đ). S cầm tiền rồi bảo với T là “*chỉ bán dâm một lúc rồi về chứ không bán dâm đến tối, tiền bán dâm S đã thu của khách xong, S sẽ đợi T ở dưới sân khách sạn*”. Sau đó S đi sang cửa phòng 303 bảo T trả 600.000đ tiền mua dâm. T trả 600.000đ (03 tờ tiền mệnh giá 200.000đ). S cầm tiền của T rồi bảo L là “*chỉ bán dâm một lúc rồi về chứ không bán dâm đến tối, tiền bán dâm S đã thu của khách xong, S sẽ đợi T ở dưới sân khách sạn*”. Sau đó L bán dâm cho T tại phòng 303, T bán dâm cho Q tại phòng 304, trong khi đang mua bán dâm thì bị Tổ công tác phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ các tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Power Men Deluxe Condoms” màu nâu, đã bị xé rách; 01 bao cao su, đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu “VIP”, vỏ màu trắng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 867453033136618, số IMEI 2: 867453033136600, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000045198823, đã qua sử dụng và 1.200.000đ của Bùi Thị S.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI 1: 354199110765791, số IMEI 2: 35419911270809, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000316093168, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị C.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Bùi Thị S, Nguyễn Thị C khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản làm việc kiểm tra điện thoại; Vật chứng; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Thị S về tội Mối giới mại dâm, quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 328 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội Mối giới mại dâm, quy định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 328, các điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Thị S; Áp dụng khoản 1 Điều 328, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C); Áp dụng các Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị S 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù đến năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đối với cả hai bị cáo. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Power Men Deluxe Condoms” màu nâu, đã bị xé rách; 01 bao cao su, đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu “VIP”, vỏ màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 867453033136618, số IMEI 2: 867453033136600, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000045198823, đã qua sử dụng và 1.200.000đ của Bùi Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI 1: 354199110765791, số IMEI 2: 35419911270809, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000316093168, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị C.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, các bị cáo không có khiếu nại gì về biên bản vi phạm hành chính, kết luận điều tra, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hiện quyền công tố và kiểm sát xét xử. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản kiểm tra điện thoại; Vật chứng thu giữ; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 28/12/2020, tại Khách sạn “Á Châu” tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Bùi Thị S cư trú tại thôn 1, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị C cư trú tại thôn Chè Đen 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi môi giới mại dâm, cụ thể:

- Bùi Thị S môi giới cho Nguyễn Thị L ở thôn An Lạc, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái bán dâm cho Phan Văn T ở thôn 1 Minh Tiến, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang với số tiền mua dâm là 600.000đ.

- Bùi Thị S, Nguyễn Thị C môi giới cho Trần Thị T ở thôn Phở Lang Quán, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bán dâm cho Nguyễn Thế Q ở Khu 3 Tiên, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc với số tiền mua dâm là 600.000đ.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua bán dâm. Bị cáo S 02 lần thực hiện hành vi làm người trung gian tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ giữa người mua dâm là Phan Văn T và Nguyễn Thế Q với người bán dâm là Nguyễn Thị L và Trần Thị T với mục đích thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm; Bị cáo C thực hiện hành vi làm người trung gian tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ giữa người bán dâm là Trần Thị T và người mua dâm là Nguyễn Thế Q, với mục đích thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 328 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Bùi Thị S về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 328 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nhưng không chịu lao động kiếm tiền chân chính, lại thực hiện hành vi phạm tội để thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự xã hội, đồng thời xâm phạm đến thuần

phong mỹ tục của dân tộc mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong thời gian chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 24/4/2021 bị cáo Bùi Thị S đã cung cấp thông tin giúp Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, bắt giữ đối tượng phạm tội đang bị truy nã về tội Trộm cắp tài sản, hành động của bị cáo S được Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang chứng nhận tại Công văn số 392/CSHS (Đ1) ngày 29/4/2021. Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Do vậy, áp dụng cho bị cáo Bùi Thị S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thực hiện nghiêm quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan tư pháp. Ngoài ra các bị cáo đều có xác nhận của chính quyền địa phương về việc luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật tại nơi cư trú, làm ăn lương thiện, có hoàn cảnh éo le (bị cáo S chồng chết, bản thân bị cáo và con lớn của bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, con thứ 2 của bị cáo mới 15 tuổi đang ở tuổi ăn học, chưa có khả năng tự lập và đang sống phụ thuộc vào bị cáo, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn; Bị cáo C sau khi ly hôn một mình nuôi 03 con trong đó có 01 con của bị cáo thường xuyên ốm đau và đang phải điều trị tại bệnh viện, hiện nay đang sống phụ thuộc vào bị cáo). Qua đó, HĐXX xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy: Các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó chỉ cần áp dụng một mức hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung nên chấp nhận.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ xác định, các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định. Do vậy, HĐXX không xem xét về hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Power Men Deluxe Condoms” màu nâu, đã bị xé rách; 01 bao cao su, đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu “VIP”, vỏ màu trắng. HĐXX xét thấy, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 867453033136618, số IMEI 2: 867453033136600, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000045198823, đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Thị S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI 1: 354199110765791, số IMEI 2: 35419911270809, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000316093168, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị C. HĐXX, xét thấy cả hai bị cáo Bùi Thị S sử dụng làm công cụ phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.200.000đ mà Cơ quan điều tra thu giữ của Bùi Thị S. HĐXX xét thấy, đây là số tiền do bị cáo thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Hành vi mua, bán dâm của Trần Thị T, Nguyễn Thế Q, Nguyễn Thị L và Phan Văn T vi phạm hành chính. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39, 40, 41, 42 ngày 05/02/2021 bằng hình thức phạt tiền. Do vậy, HĐXX không xem xét xử lý.

Đối với Vũ Văn T là giám đốc Khách sạn “Á Châu” tổ 6, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán dâm. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44 ngày 05/02/2021 bằng hình thức phạt tiền. Do vậy, HĐXX không xem xét xử lý.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa. HĐXX xác định Trần Thị T, Nguyễn Thế Q, Nguyễn Thị L, Phan Văn T, Vũ Văn T không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa mà chỉ là người làm chứng trong vụ án, đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX đã công bố lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa, các bị cáo xác nhận đúng và không có ý kiến gì.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh và hình phạt:**

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328, các điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị S phạm tội: Môi giới mại dâm;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị S 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 28/5/2021.

Giao bị cáo Bùi Thị S cho UBND xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 328, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội: Môi giới mại dâm;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 28/5/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Thị C cho UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.*

## 2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Power Men Deluxe Condoms” màu nâu, đã bị xé rách; 01 bao cao su, đã qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu “VIP”, vỏ màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 867453033136618, số IMEI 2: 867453033136600, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000045198823, đã qua sử dụng và 1.200.000đ của Bùi Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI 1: 354199110765791, số IMEI 2: 35419911270809, có 01 sim Viettel 4G, trên sim có dãy số 8984048000316093168, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị C.

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 01/4/2021*

*Đối với số tiền 1.200.000đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang thu giữ của bị cáo Bùi Thị S đã được chuyển đến tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, số tk: 3949 01064848.00000, theo Ủy nhiệm chi ngày 26/5/2021 của Sở Tài Chính tỉnh Tuyên Quang.*

## 3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 pBộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Thị S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2021.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- UBND xã K;
- UBND xã H;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLVNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vương Thị Lan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vương Minh Tân – Lý Thị Nhân**

**Vương Thị Lan**

